**UNIT 8.**

**SHOPPING**

**A. VOCABULARY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **No.** | **Word** | **Part of speech** | **Pronunciation** | **Meaning** |
| 1 | Access | n, v | /ˈækses/ | Nguồn để tiếp cận, truy cập vào |
| 2 | Addicted | adj | /əˈdɪktɪd/ | Nghiện, say mê |
| 3 | Advertisement | n | /ˌædvərˈtaɪzmənt/ | Quảng cáo |
| 4 | Affect | v | /ə'fekt/ | Ảnh hưởng, tác động |
| 5 | Bargain | v | /ˈbɑːrɡən/ | Mặc cả |
| 6 | Complaint | n | /kəm'pleɪnt/ | Lời phàn nàn, khiếu nại |
| 7 | Convenience store | n, phr | /kənˈviːniəns stɔːr/ | Cửa hàng tiện ích |
| 8 | Costume | n | /ˈkɒstjuːm/ | Trang phục |
| 9 | Customer | n | /ˈkʌstəmər/ | Khách hàng |
| 10 | Discount | n | /ˈdɪskaʊnt/ | Giảm giá |
| 11 | Discount shop | n | /'dɪskaʊnt ʃɒp/ | Cửa hàng hạ giá |
| 12 | Display | n, v | /dɪs'pleɪ/ | Sự trưng bày, trưng bày |
| 13 | Dollar store | n | /ˈdɒlər stɔːr/ | Cửa hàng đồng giá (một đô-la) |
| 14 | Expired | adj | /ɪkˈspaɪər/ | Heest hạn |
| 15 | Fair | n | /feər/ | Hội chợ |
| 16 | Farmers' market | n | /ˈfɑːrmərz mɑːrkɪt/ | Chợ nông sản |
| 17 | Goods | n | /ɡʊdz/ | Hàng hoá |
| 18 | Home-grown | adj | /ˌhəʊmˈɡrəʊn/ | Tự trồng (“cây nhà lá vườn”) |
| 19 | Home-made | adj | / ˌhəʊm'meɪd/ | Tự làm tại nhà |
| 20 | Item | n | /’aɪtəm/ | Một món hàng |
| 21 | Open-air market | n, phr | /ˌəʊpən ˈeə(r)  ˈmɑːrkɪt/ | Chợ ngoài trời |
| 22 | Overshopping | n | /əʊvərˈʃɒpɪŋ/ | Mua sắm quá mức |
| 23 | Price tag | n | /ˈpraɪs tæɡ/ | Nhãn giá |
| 24 | Savings | n | /ˈseɪvɪŋ/ | Tiết kiệm |
| 25 | Schedule | n | /ˈʃedjuːl/ | Lịch trình, thời gian biểu |
| 26 | Shipping | n | /ˈʃɪpɪŋ/ | Sự giao hàng |
| 27 | Shopaholic | n | /ˌʃɒpəˈhɒlɪk/ | Người nghiện mua sắm |
| 28 | Shopping | n | ˈʃɒpɪŋ | Việc mua sắm |
| 29 | Shopping centre | n | /ˈʃɒpɪŋ sentər/ | Trung tâm mua sắm |
| 30 | Shopping list | n | /ˈʃɒpɪŋ lɪst/ | Danh sách những thứ cần mua |
| 31 | Speciality shop | n | /ˌspeʃɪˈælətɪ ʃɒp/ | Cửa hàng bán đồ chuyên dụng |
| 32 | Voucher | n | /ˈvaʊtʃər/ | Phiếu, chứng từ |
| 33 | Wander | v | /ˈwɒndər/ | Đi lang thang, đi dạo |
| 34 | Well-lit | adj | /wel lɪt/ | Đủ ánh sáng |
| 35 | Year-round | adv | /ˌjɪə ˈraʊnd/ | Quanh năm |

B. PRONUNCIATION

|  |  |
| --- | --- |
| Phụ âm đôi  /sp/ | sp (spy) |
| Phụ âm đôi  /st/ | st (steal) |

C. GRAMMAR

**I. Adverbs of frequency (Trạng từ tần suất)**

Trạng từ tần suất diễn tả mức độ thường xuyên của một hành động.

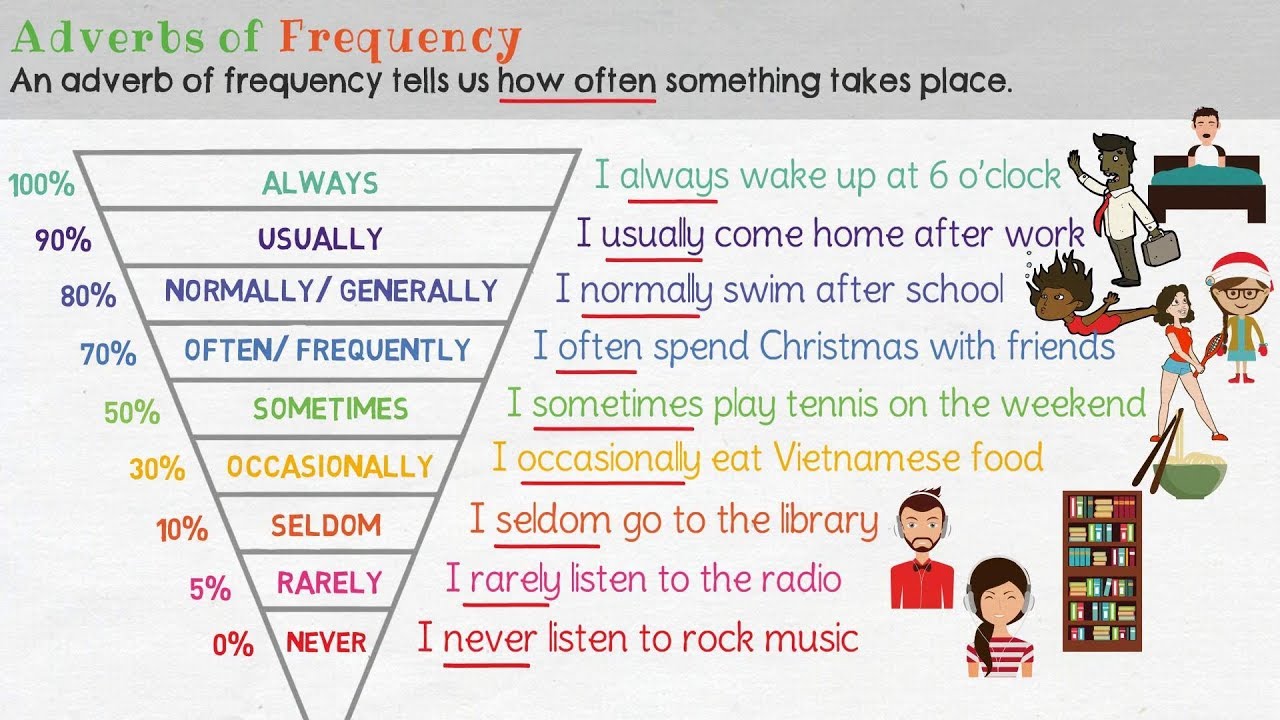
Trạng từ tần suất trả lời cho câu hỏi: **How often + do/does + S + V?**

Trạng từ tần suất đứng sau động từ “be” (is/am/are)

*E.g: She's always on time.*

Trạng từ tần suất đứng trước động từ chính V/Vs-es.

*E.g: He usually plays badminton.*



**2. Present simple for future events (Hiện tại đơn diễn tả sự kiện tương lai)**

Ngoài cách sử dụng phổ biến, hiện tại đơn còn được sử dụng để diễn tả các sự kiện trong tương lai.

**Forms (Cấu trúc)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| (+) | (-) | (?) |
| S + V/V-s/es. | S + don’t / doesn’t + V. | Do/Does + S + V?  (+) Yes, S + do / does.  (-) No, S + don’t / doesn’t. |

**Use (Cách dùng)**

|  |  |
| --- | --- |
| Diễn tả sự thật hiển nhiên, chân lý. | *The Earth goes around the Sun.* |
| Diễn tả thói quen lặp đi lặp lại. | *I get up at 7 a.m. every day.* |
| Diễn tả hành động cố định. | *I work in a bank.* |
| Diễn tả cảm xúc, cảm giác. | *I hate dancing.* |
| Nhấn mạnh trong câu khẳng định, S + do/does + V. | *I do love my mother.* |
| Diễn tả tương lai khi nói về sự di chuyển của các phương tiện giao thông, lịch trình sự kiện, thời gian biểu rõ ràng. | *The trains leave at 5 a.m. tomorrow.* |

D. PRACTICE

**TEST 1**

**I. Find the word which has a different stress position from the others.**

1. A. reason B. attract C. market D. shopping

2. A. almost B. awesome C. product D. return

3. A. costume B. effect C. advice D. attack

4. A. pollution B. convenient C. affection D. factory

5. A. activity B. preparation C. enjoyable D. advantage

**II. Fill in each blank with a suitable word from the box.**

|  |
| --- |
| bargain browse shopper on sale specialty  offline products shopaholic home-made convenience |

1. She is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_ . She buys goods from our shop.

2. You can’t \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at a supermarket because the prices are fixed.

3. Try my \_\_\_\_\_\_\_\_\_ pudding. I made it this morning.

4. These items are \_\_\_\_\_\_\_\_\_ . They are from 10% to 30% off.

5. My mother never shops online. She always shops \_\_\_\_\_\_\_\_\_ .

6. My sister is addicted to shopping. She is a \_\_\_\_\_\_\_\_\_ .

7. He doesn’t intend to buy anything. He only wants to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ thethings on display.

8. We sell only one or two specific kinds of goods. We are a \_\_\_\_\_\_\_\_\_ shop.

9. A \_\_\_\_\_\_\_\_\_ store is a small shop and usually opens 24/7.

10. Customers can touch the \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at shopping centres.

**III. Choose the best answer A, B, C or D.**

1. He lives next door but I \_\_\_\_\_\_\_\_\_ him.

A. rarely see B. sees rarely C. see rarely D. rarely sees

2. She \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at home on Sunday.

A. are always B. always are C. always is D. is always

3. My father \_\_\_\_\_\_\_\_\_ in the morning.

A. hardly ever jog B. hardly ever jogs

C. jogs hardly ever D. hardly jogs ever

4. They \_\_\_\_\_\_\_\_\_ volleyball with Phong and Quan.

A. play never B. plays never C. never plays D. never play

5. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to the supermarket because it’s very far from ourhouse.

A. don’t go often B. often don’t go

C. don’t often go D. doesn’t often go

6. Mai \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to the cinema with her classmates.

A. occasionally go B. occasionally goes

C. goes occasionally D. go occasionally

7. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ your health at the hospital?

A. Do you check frequently B. Do frequently you check

C. Do you frequently check D. Do frequently check you

8. These brands \_\_\_\_\_\_\_\_\_ on sale, just once or twice a year.

A. are seldom B. is seldom C. seldom is D. seldom are

9. My mother \_\_\_\_\_\_\_\_\_ at the supermarket.

A. shops often B. often shops C. often shop D. shop often

10. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ happy when he talks to his girlfriend?

A. Is always he B. Is he always

C. Always is he D. He always is

**IV. Complete the dialogue with the words from the box.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Of course | thanks | sorry |
| wonder | speak | afraid |

Assistant: Good morning. Is everything Ok?

Customer: Not really, I (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ if you could help me. I boughtthis TV here yesterday and when I turned it on there was no picture.

Assistant: Oh dear! I’m (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ about that. We’ll arrange areplacement straight away.

Customer: No, (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_. I’d like a refund.

Assistant: I’m (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ our policy is replacement only, norefund.

Customer: But that’s ridiculous! I don’t want another TV. I want mymoney back. Can I (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to the manager, please?

Assistant: (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_, I’ll get him for you.

**V. Read the passage and tick True or False.**

Gatesbridge’s new Merriwether Mall is opening this September. With an area of 320,000 square metres, the Merriweather Mall will be the biggest mall in the south west. It’s located close to the motorway, has its own bus station and 2,000 car parking spaces, so it is convenient for everyone. The mall has five areas, all under cover. The largest, Main Street, is a shopping area on three floors. Here, you’ll find all the major chain stores and department stores. You can buy fashion items and all the famous brand names.

Situated on two levels, the market square is where you can find traditional market stalls. On the lower floor, there are food stalls, including a butcher’s, baker’s, a fishmonger’s, greengrocer’s and delicatessen. On the upper floor, you will find stalls selling hardware and haberdashery.

**True False**

1. The area of the Merriwether Mall is 320,000 square metres. 🞎 🞎

2. The Merriweather Mall is far from the motorway. 🞎 🞎

3. The Merriweather Mall doesn’t have any bus stations. 🞎 🞎

4. Main Street is not the largest shopping area of the mall. 🞎 🞎

5. The traditional market stalls are on three floors. 🞎 🞎

6. The food stalls are on the lower floor of the market square. 🞎 🞎

**VI. Reorder the words and phrases to make complete sentences.**

1. summer sales */* next Tuesday */* The */* start */.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. for / Some / to / shopping centre */* people / go / a / entertainment */.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. these */* things */* house */* She / her */* bought / at / a / near */* convenience store /.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4. complaint */* received */* yesterday */* the / from */* the / We */* customer /.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5. made */* home-grown / Is / salad / of / this */* vegetables */* your?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

6. backpack /I /I / ordered */* haven’t received / the / you */* last week */* that / from /.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TEST 2**

**I. Find the word which has a different stress position from the others.**

1. A. service B. outdoor C. offer D. report

2. A. lesson B. complain C. bargain D. always

3. A. similar B. convenient C. colorful D. customer

4. A. timetable B. chocolate C. introduce D. colorful

5. A. comfortable B. vegetable C. supermarket D. advertisement

**II. Circle the correct word to complete the sentences.**

1. This is an **online / offline** shop. It uses the Internet to sell its goods.

2. Buyers can bargain at **supermarkets / open-air markets.**

3. All items at our shop have **fixed / changeable** prices on their price tags.

4. I don’t like shopping at an open-air market because it is **indoor / outdoor.**

5. Shopping centres often offer free entertainment for **sellers / customers** of all ages.

6. The discount shops offer **lower / higher** prices on all products.

7. Lots of **home-grown / home-made** fruit and vegetables are sold at a farmers’ market.

8. If you aren’t happy with the product, you can make a **discount /complaint** with them.

9. You can use this voucher for **buying / selling** food at our store.

10. She always spends too much time and money **on / for** shopping.

**III. Supply the correct form of the verb in brackets in the present simple for future.**

1. Tomorrow \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) Monday.

2. The film *Spiderman* \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (start) tonight.

3. The first bus \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (depart) at 5:00 a.m.

4. The train to Nha Trang \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (leave) at 8:30 a.m.

5. When \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) his flight for Ha Noi?

6. Final exams \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (start) next week.

7. Our semester \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (end) on June 15th this year.

8. The ferry \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (not, leave) port at 6:00, but 6:15.

9. My favorite television program \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (be) on in half an hour.

10. What are you going to do when you \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (finish) college?

**IV. Choose the correct answer to complete the dialogue.**

Customer: Excuse me, (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_, but I asked for anon-smoking room and you have given me a smoking room.

Waiter: Oh, (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

Customer: Do you think I could get a non-smoking room?

Waiter: (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_, but we do not have anynon-smoking rooms available at the moment.

Customer: I’m afraid, (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_. I want to talk tothe manager, please.

Waiter: Oh, I’m terribly sorry! Immediately sir! Hold on a second!

1.

A. I’m sorry to trouble you

B. that’s great

C. there is nothing we can do about it

D. I’m sorry to hear that

2.

A. thanks a lot

B. you’re welcome

C. I’m sorry to trouble you

D. I’m really sorry about that

3.

A. That’s just not acceptable

B. I can’t tell you how sorry I am

C. I can’t tell you how happy I am

D. Something needs to be done about this

4.

A. I will solve this problem

B. I’m terribly sorry

C. I want to talk to you

D. I have to make a serious complaint then

**V. Read the passage and choose the best answer A, B, C, or D.**

The most important (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ that influences a person to go(2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ is the needs or wants of the individual or people related(3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ him/her. For example, everyone goes to the mall to (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ basic necessities like food, clothes, health supplies and others. Irrespective of the (5)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ being 16 or 60, the person will haveto go to the shop (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ buy it online. They will shop less ifthey have less mouth to feed and shop more if the number of dependents is (7)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ . Secondly, a person cannot purchase anything(8) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ he/she has the **monetary** means to do so. This means thatif one has more money, one will spend equally (9) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ **luxury** itemsand fundamental needs. On the other hand, a person with less (10) \_\_\_\_\_\_\_\_\_ stability will focus more on **vital merchandise.**

1. A. effect B. factor C. reaction D. person

2. A. shopper B. shopping C. shop D. to shop

3. A. to B. with C. about D. within

4. A. have B. make C. buy D. eat

5. A. age B. time C. money D. love

6. A. or B. but C. so D. and

7. A. least B. less C. many D. more

8. A. when B. if C. unless D. whether

9. A. in B. on C. at D. among

10. A. finance B. financial C. financials D. financially

**VI. Write complete sentences using the given words and phrases. *(Viet cau hoan chinh dung cac tit va cum tu dddc cho.)***

1. you / like */* shop online / ?

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. There / be / big sale / Friday */.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. Many people */* go */* shopping centres / weekends */.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4. he */* bought / this watch */* open-air market */ ?*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5 Farmers’ markets / be / traditional way / of / sell home-made products */.*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

6*.* My father */* prefer */* shop at a supermarket */* because / he / not have to */* bargain /.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TEST 3**

**I. Find the word which has a different stress position from the others.**

1. A. open B. many C. excite D. sorry

2. A. mainly B. because C. center D. custom

3. A. another B. favourite C. yellowish D. Saturday

4. A. especial B. advertise C. excitement D. encourage

5. A. documentary B. informality C. entertainment D. musically

**II. Choose the correct word to complete the sentences.**

1. How much are these shoes? I can’t see the \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. item B. brand C. price tag D. Internet access

2. Live music is a kind of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ that shopping centres often offer fortheir customers.

A. goods B. news C. documentary D. entertainment

3. This dress is so beautiful and looks good on me. Can I \_\_\_\_\_\_\_\_\_ iton?

A. try B. wear C. do D. have

4. My fashion shop attracted a lot of \_\_\_\_\_\_\_\_\_ during sales.

A. sellers B. customers C. farmers D. visitors

5. She should make a list of all things she wants to buy before she goes tothe \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. cinema B. market C. museum D. church

6. The shop owner treats his customers with a lot of \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. respects B. respectful C. respectfully D. respected

7. The word that is closest in meaning to “shop” is \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. house B. flat C. store D. restaurant

8. The word that is closest in meaning to “items” is \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. food B. clothes C. books D. goods

9. The word that is opposite in meaning to “convenient” is \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. usable B. accessible C. inconvenient D. favourable

10. The word that is opposite in meaning to “a wide range of’ is \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

A. many B. few C. lots of D. a great number of

**III. Circle the correct option in brackets.**

1. The dollar store in my area (opens / will open) at 8 a.m every day.

2. I think the gameshow (starts / will start) in five minutes.

3. (Does / Will) she visit us when she comes to Viet Nam?

4. The autumn term (ends / will end) on October 15th.

5. (Does / Will) the train to Hue leave at 3 o’clock?

6. What (do / will) you do when you come to Phu Quoc island?

7. I will teach you what I (know / will know).

8. Where (do / will) I test Covid?

9. Don’t worry. Everything (is / will be) fine.

10. What time (does / will) the flight arrive in Atlanta?

**IV. Complete the dialogue with the sentences from the box.**

A. I’m so sorry.

B. I understand, but it is very uncomfortable.

C. Don’t worry.

D. Yes, I want to complain because my room is too noisy.

E. I’m so glad that we could work this out.

F. Ok, I hope so.

Customer: Good morning!

Manager: Good morning. Can I help you?

Customer: (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ The people in the nextroom have loud parties every night and I have not been able to sleep well. Also, the hotel bed is very uncomfortable.

Manager: (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ But this week there isa tennis tournament going on in town and the hotel is full of younger people, who are unfortunately quite noisy.

Customer: (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ If you don’t take action,I will move to another hotel.

Manager: (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ This situation will besolved.

Customer: (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Manager: Since you’ve been so inconvenienced by this incident, I’dbe glad to offer you a free room for your next visit at our hotel. In fact, I’ll give you a voucher right now. You can use it anytime you wish.

Customer: Oh, that’s just great! (6) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Ido want to keep coming back here.

**V. Read the passage and choose the correct options. *(Doc doan van va chon dap an dung.)***

**Online shopping**

My name is Sara, and I love shopping online. I prefer mobile phone apps, but sometimes I use my computer. The phone is more convenient for me, and I can even do my shopping from bed!

I love shopping so much that I buy everything I need at home. I get food, electronics, books, and even large pieces of furniture like my sofa and bookshelves all online! But I still prefer getting clothes from a store so I can try them on to be sure they fit me fine.

Yesterday, I bought a birthday present for my mother, and it arrived today! That saves me a lot of time. I am a very busy person, and I am a little forgetful too. If I think of something I need, then it is wonderful that I can buy it at that moment.

My friends aren’t as comfortable with buying things online as I am because they think that it can be dangerous. Of course, bad things sometimes happen, but I am very careful with all of my personal details. I think the biggest fear that people have with using their credit cards online is that someone will steal their number. It is important to be sure that the web page is secure. You can see this if the address has got an “s” in it, like https://. That “s” means it is safe.

People should not be afraid of shopping online. I think it will be the only way we will do our shopping in the future!

1. What is Sara’s favourite way of shopping?

A. On her computer. B. On her phone.

C. In a shop. D. In an open-air market.

2. What doesn’t Sara buy online?

A. Books. B. Clothes. C. Furniture. D. Electronics.

3. Why does Sara think online shopping is very convenient?

A. It’s cheap. B. It’s slow. C. It’s fast. D. It’s beautiful.

4. What does ‘steal’ mean in paragraph 4?

A. To shop online.

B. To make public.

C. To use something that is not yours.

D. To take without permission.

5. Sara thinks that shopping online...

A. is complex. B. is often dangerous.

C. is always safe. D. is safe if you are careful.

6. Sara’s thinks that in the future...

A. everybody will only shop online.

B. nobody will shop online.

C. online shopping will be safer.

D. a lot of people will shop online.

**VI. Rewrite the following sentences using the adverb of frequency in brackets. *(Viet lai cac cau sau dung trang tdchi tan suat trong ngoac.)***

1. My brother goes shopping. (seldom)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

2. The boy smiles at his mom. (always)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

3. He is patient with his naughty son. (never)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

4. We have breakfast on the street. (sometimes)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

5. Tom comes home late on Friday evening. (usually)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

6. She is angry with her husband. (hardly ever)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TEST 1**

**I.**

1. B 2. D 3. A 4. D 5. B

**II.**

1. shopper 2. bargain 3. home-made 4. on sale 5. offline

6. shopaholic 7. browse 8. specialty 9. convenience 10. products

**III.**

1. A 2. D 3. B 4. D 5. C

6. B 7. C 8. A 9. B 10. B

**IV.**

1. wonder 2. sorry 3. thanks 4. afraid 5. speak 6. Of course

**V.**

1. True 2. False 3. False 4. False 5. False 6. True

**VI.**

1. The summer sales start next Tuesday.

2. Some people go to a shopping centre for entertainment.

3. She bought these things at a convenience store near her house.

4. We received the complaint from the customer yesterday.

5. Is this salad made of your home-grown vegetables?

6. I haven’t received the backpack that I ordered from you last week.

**TEST 2**

**I.**

1. D 2. B 3. B 4. C 5. D

**II.**

1. online 2. open-air markets 3. fixed 4. outdoor 5. customers

6. lower 7. home-grown 8. complaint 9. buying 10. on

**III.**

1. is 2. starts 3. departs 4. leaves 5. is

6. start 7. ends 8. doesn’t leave 9. is 10. finish

**IV.**

1. A 2. D 3. B 4. D

**V.**

1. B 2. B 3. A 4. C 5. A

6. A 7. D 8. C 9. B 10. B

**VI.**

1. Do you like shopping online?

2. There will be a big sale on Friday.

3. Many people go to shopping centres at the weekends.

4. Did he buy this watch at an open-air market?

5. Farmers’ markets are a traditional way of selling home-made products.

6. My father prefers shopping at a supermarket because he doesn’t have to bargain.

**TEST 3**

**I.**

1. C 2. B 3. A 4. B 5. D

**II.**

1. C 2. D 3. A 4. B 5. B

6. A 7. C 8. D 9. C 10. B

**III.**

1. opens 2. will start 3. Will 4. ends 5. Does

6. will 7. know 8. do 9. will be 10. does

**IV.**

1. D 2. A 3. B 4. C 5. F 6. E

**V.**

1. B 2. B 3. C 4. D 5. D 6. A

**VI.**

1. My brother seldom goes shopping.

2. The boy always smiles at his mom.

3. He is never patient with his naughty son.

4. We sometimes have breakfast on the street.

5. Tom usually comes home late on Friday evening.

6. She is hardly ever angry with her husband.